

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm lên theo triều trong những ngày tới; mực nước thấp nhất ngày tại các trạm xuống trong 5 ngày tới.
- Nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất tại các trạm lên chậm theo triều, mực nước thấp nhất ngày xuống chậm trong 5 ngày tới.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 13/01 đến 17/01/2022

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		12/01	So với cùng kỳ 2021	So với TBNN	13/01	14/01	15/01	16/01	17/01
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	1.37	-0.36	-0.06	1.22	1.25	1.31	1.39	1.44
						Min	0.25	0.03	-0.48	0.18	0.13	0.10	0.08	0.05
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	2.00	2.50	3.00	Max	1.44	-0.28	0.08	1.31	1.34	1.40	1.48	1.54
						Min	0.21	0.14	-0.03	0.15	0.10	0.07	0.04	0.00
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	1.28	-0.34	-0.29	1.25	1.26	1.28	1.32	1.40
						Min	0.50	-0.18	-0.55	0.45	0.40	0.36	0.33	0.30
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	1.53	-0.34	0.08	1.40	1.42	1.47	1.55	1.60
						Min	0.29	0.09	-0.27	0.23	0.18	0.13	0.10	0.08
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	1.56	-0.34	0.15	1.44	1.47	1.56	1.65	1.68
						Min	0.22	0.24	0.20	0.16	0.11	0.08	0.05	0.03
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	1.47	-0.35	0.06	1.35	1.38	1.45	1.53	1.60
						Min	0.23	0.13	-0.11	0.17	0.13	0.09	0.06	0.04
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	0.53	-0.16	-0.12	0.52	0.50	0.52	0.54	0.58
						Min	0.29	-0.05	-0.15	0.21	0.20	0.19	0.18	0.16
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.37	-0.09	-0.03	0.34	0.33	0.34	0.35	0.38
						Min	0.33	-0.11	-0.04	0.24	0.23	0.22	0.20	0.18
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	0.53	-0.22	-0.10	0.51	0.53	0.55	0.57	0.60
						Min	0.27	-0.15	-0.16	0.18	0.17	0.16	0.14	0.13
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	0.65	-0.11	0.11	0.62	0.61	0.63	0.65	0.67
						Min	0.50	-0.26	0.04	0.42	0.41	0.39	0.38	0.36
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	0.36	-0.12	0.02	0.36	0.35	0.37	0.39	0.41
						Min	0.28	-0.12	-0.02	0.28	0.27	0.26	0.25	0.23
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	0.75	-0.20	0.08	0.73	0.74	0.76	0.78	0.80
						Min	0.60	-0.19	0.09	0.56	0.55	0.54	0.52	0.50
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Nặng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	1.07	-0.26	0.08	1.05	1.06	1.08	1.10	1.13
						Min	0.62	-0.22	-0.04	0.55	0.54	0.52	0.50	0.49
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	0.76	-0.23	-0.06	0.75	0.76	0.78	0.81	0.83
						Min	0.53	-0.25	-0.10	0.45	0.44	0.42	0.41	0.39

3. Cảnh báo (nếu có):

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 13/01/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan